

Chính sách giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số: Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Lai Châu¹

Bùi Thanh Bình^(*)

Nguyễn Thị Nga^(**)

Tóm tắt: Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và ban hành nhiều quyết sách quan trọng để bảo đảm quyền bình đẳng trong học tập đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, miền núi. Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực hiện chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Dựa trên nguồn tài liệu thứ cấp và kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Cơ sở, bài viết tập trung phân tích thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tại tỉnh Lai Châu thời gian qua.

Từ khóa: Chính sách giáo dục, Học sinh dân tộc thiểu số, Phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi, Tỉnh Lai Châu

Abstract: In recent years, the Communist Party and the State of Vietnam have always paid attention and issued critical policies to ensure equal rights in education for ethnic minorities and mountainous areas. In addition to the achievements, the implementation of educational policies for ethnic minorities and mountainous areas reveals some limitations and shortcomings. Based on secondary data and research results of the Project, the paper analyzes the current situation and some factors affecting the implementation of educational support policies for ethnic minority students in Lai Chau province in recent times.

Keywords: Educational Policy, Ethnic Minority Students, Delimitation of Ethnic Minority and Mountainous Areas, Lai Chau province

Ngày nhận bài: 15/9/2024; Ngày duyệt đăng: 25/9/2024

1. Mở đầu

Lai Châu là tỉnh miền núi, biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, với 20 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số

(DTTS) chiếm khoảng 84% dân số của tỉnh (Cục Thống kê tỉnh Lai Châu, 2024). Với yêu cầu đổi mới giáo dục ngày càng cao như hiện nay, tỉnh Lai Châu luôn xác định ưu tiên phát triển giáo dục vùng DTTS, tập trung hỗ trợ giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Bên cạnh việc triển khai các chính sách của Nhà nước, tỉnh Lai Châu cũng có những chính sách riêng trong việc hỗ trợ học sinh vùng DTTS đến trường.

Việc thực hiện chính sách giáo dục ở tỉnh Lai Châu đã đạt được những kết quả

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Cơ sở năm 2024 “Thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở tại tỉnh Lai Châu: thực trạng và nhân tố ảnh hưởng”, do TS. Bùi Thanh Bình chủ nhiệm, Học viện Phụ nữ Việt Nam chủ trì.

(*) TS., Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Email: binhbt@hvpnv.edu.vn

(**) ThS., Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đáng ghi nhận, tỷ lệ học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) đến trường được duy trì đều hằng năm. Tuy nhiên, việc triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục cho học sinh vùng DTTS&MN còn tồn tại một số bất cập. Bài viết được thực hiện trên cơ sở tổng hợp kết quả phỏng vấn sâu (PVS) một số lãnh đạo, giáo viên ngành giáo dục và phụ huynh, đại diện lãnh đạo địa phương tại huyện Mường Tè và huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chúng tôi tập trung vào nhóm học sinh tiểu học (TH) và trung học cơ sở (THCS) vùng DTTS tại tỉnh Lai Châu không còn được hưởng chính sách học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP¹ do chịu tác động từ *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030* và *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*.

2. Một số kết quả đạt được trong thực hiện chính sách giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số ở tỉnh Lai Châu

Chính sách giáo dục hỗ trợ cho học sinh DTTS đã được thể hiện trong Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ (1946, 1959, 1980, 1992, 2013). Trong nghiên cứu này, hệ thống chính sách giáo dục hỗ trợ học sinh DTTS chia thành hai nhóm: 1) chính sách hỗ trợ trực tiếp (như học phí, học bổng và bán trú,...)²; 2) chính

sách hỗ trợ gián tiếp (xây dựng trường, điểm trường, phát triển hệ thống giáo dục phổ thông và đội ngũ giáo viên...). Bên cạnh đó, tỉnh Lai Châu cũng ban hành nhiều chính sách cụ thể tại địa phương, đáng chú ý là chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú tại các trường TH, THCS theo Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 13/01/2012 của UBND tỉnh.

Kết quả nghiên cứu của Đề tài cho thấy, hệ thống chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh vùng DTTS ở tỉnh Lai Châu hiện nay được xây dựng khá tốt, hướng tới sự hỗ trợ toàn diện, đáp ứng được các nhu cầu khá đa dạng của học sinh như miễn giảm học phí, hỗ trợ tuyển sinh, học bổng, hỗ trợ chỗ ở, đồng thời ưu tiên tạo điều kiện cả về đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục. Các chính sách có tính cập nhật, hệ thống, đặc thù và rõ ràng, với sự phối hợp khá hiệu quả giữa các bên liên quan khác nhau tạo thành mạng lưới hỗ trợ, thúc đẩy học sinh vùng DTTS&MN đến trường. Về cơ bản, việc tiếp cận giáo dục của học sinh DTTS có sự tiến bộ tuy không đột biến nhưng khá đều đặn và vững chắc qua từng năm.

Tỉnh Lai Châu đã tập trung nguồn lực tài chính cho ngành giáo dục, mang lại những chuyển biến rõ nét. Nguồn chi ngân sách địa phương cho giáo dục tăng dần theo từng năm, năm 2021 là 5.193 tỷ đồng, năm 2022 là 5.398 tỷ đồng, năm 2023 là 5.945 tỷ đồng; và năm học 2023-2024 chi ngân sách cho ngành giáo dục chiếm 25% tổng chi ngân sách địa phương; tiền đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng được nhu cầu hoạt động dạy và

¹ Xem: *Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định, chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Nghi-dinh-116-2016-ND-CP-chinh-sach-ho-tro-hoc-sinh-truong-pho-thong-o-xa-thon-dac-biet-kho-khan-317616.aspx>

² Chính phủ đã ban hành 03 Nghị định (Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP; và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015) về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học

tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người.

Bảng 1. Số lượng và tỷ lệ học sinh DTTS bậc TH và THCS tỉnh Lai Châu thuộc diện học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP (Đơn vị tính: %)

Bậc học	2020-2021			2021-2022			2022-2023		
	Học sinh	Học sinh bán trú	%	Học sinh	Học sinh bán trú	%	Học sinh	Học sinh bán trú	%
TH	58.638	12.575	21	58.939	11.500	20	58.142	14.061	24
THCS	39.172	11.960	31	40.179	10.109	25	40.934	10.258	25

Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu (2020-2023).

học của giáo viên, học sinh tại địa phương (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu, 2020-2023).

Về thu hút học sinh tới trường: Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, số lượng học sinh ở bậc TH và THCS trên địa bàn tỉnh Lai Châu được duy trì và tăng theo từng năm, từ 97.810 học sinh năm học 2020-2021 lên 99.076 học sinh năm học 2022-2023. Theo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu (2020-2023), năm 2023 tỷ lệ vận động dân số từ 6 đến 10 tuổi đến trường đạt 94,5%; trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là 100%; dân số từ 11 đến 14 tuổi đến trường đạt 87%; học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,88%. Có thể nói, những chính sách hỗ trợ giáo dục đã tác động tích cực tới việc thu hút học sinh tới trường. Số liệu thống kê cũng cho thấy, tỷ lệ học sinh được thụ hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập chiếm 20% trong cơ cấu học sinh của tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP. Ngoài chính sách miễn học phí cho bậc TH, bậc THCS có thêm các chính sách miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc hộ nghèo và cận nghèo thì còn có các chính sách khác như hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học sinh thuộc nhóm DTTS rất ít người... Các chính sách này đã tạo điều kiện cho học sinh đến trường.

Về chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp: ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu đã chú trọng nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý ở bậc

TH, THCS đáp ứng được hoạt động dạy và học. Theo số liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu (2020-2023), chỉ tính riêng năm học 2022-2023 số giáo viên và cán bộ quản lý ở bậc TH đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm 83%, dưới chuẩn là 17% và ở bậc THCS lần lượt chiếm 88,5% và 11,5%. Ngoài ra, 100% đơn vị trường thực hiện công tác bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, 100% giáo viên và cán bộ quản lý được tham gia tập huấn Chương trình giáo dục phổ thông mới tại địa phương.

Về tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và hoạt động giáo dục: năm 2023, 100% các cơ sở giáo dục có kết nối Internet cáp quang, trên 40% lớp học được trang bị thiết bị trình chiếu; 98,5% giáo viên và tổ bộ môn được trang bị máy tính; 98,6% giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Toàn tỉnh có 206 phòng học môn tin học trong cơ sở giáo dục, triển khai công tác thu thập đầy đủ thông tin của 337 trường, hơn 5.300 lớp với hơn 150.000 học sinh cùng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu, 2020-2023).

Về cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục: Các trường luôn cố gắng dành mọi nguồn lực để đầu tư sửa chữa, nâng cấp các phòng học văn hóa, tin học và ngoại ngữ đủ tiêu chuẩn nhằm phục vụ tốt cho việc giảng dạy và học tập. Trong năm học 2022-2023, khối TH và

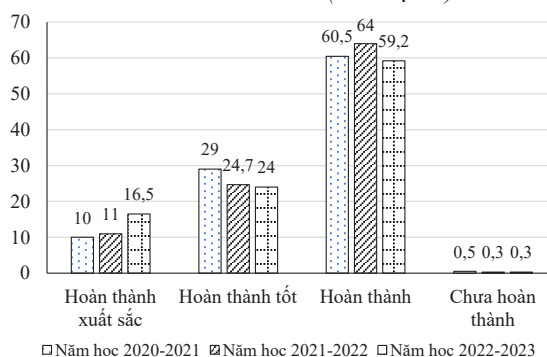
THCS toàn tỉnh có tổng số 4.789 phòng học và phòng chức năng, trong đó: 3.681 phòng kiên cố, 1.025 phòng bán kiên cố, 83 phòng tạm. Toàn tỉnh có 1.959 bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho học sinh vùng khó khăn, học sinh dân tộc, con hộ nghèo hằng năm (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu, 2020-2023).

3. Một số vấn đề đặt ra

3.1. Hiệu quả đầu tư ngân sách còn có những hạn chế nhất định

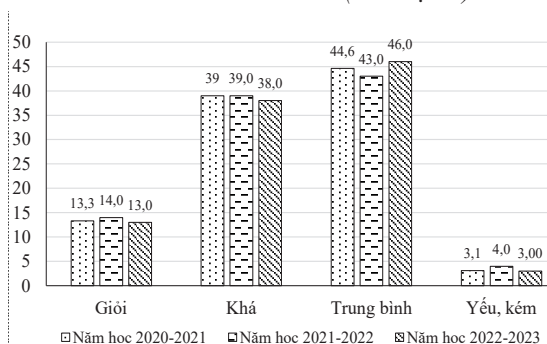
Thực tế cho thấy, mặc dù việc đầu tư ngân sách cho giáo dục được tỉnh Lai Châu quan tâm, theo đó các chính sách hỗ trợ giáo dục học sinh DTTS đã đem lại thành công như tăng tỷ lệ học sinh tới trường, nhưng giáo dục miền núi vẫn phải đối mặt với tình trạng học sinh bỏ học sau khi chuyển cấp từ bậc TH lên THCS (chiếm 73%), từ bậc THCS lên trung học phổ thông (THPT) là 29% năm học 2022-2023. Bên cạnh đó, kết quả học tập của học sinh DTTS cũng chưa thực sự được như mong đợi, chương trình giáo dục phổ thông vẫn chưa thực sự thúc đẩy năng lực của học sinh. Số học sinh hoàn thành chương trình trở lên chiếm trên 99%, lưu ban và chưa hoàn thành chương trình là 0,3-0,5%. Đối với bậc THCS, xếp loại học lực từ trung bình trở xuống chiếm trên 46%, đặc biệt số học sinh yếu, kém và không xếp loại học lực năm học 2021-2022 chiếm xấp xỉ 4%, số học sinh có học lực giỏi chiếm tỷ lệ khiêm tốn khoảng 14% và học sinh có học lực khá chiếm 39% (Xem: Biểu đồ 1, 2). Có thể thấy, các chương trình hỗ trợ giáo dục học sinh DTTS ở tỉnh Lai Châu khá thành công nhưng các lợi ích của giáo dục lại chưa thực sự đem lại kết quả như kỳ vọng. Điều này có thể lý giải là do nhận thức của cha mẹ học sinh ở các thôn, bản vùng sâu vùng xa, các xã khu vực III còn chưa cao, họ chưa tạo điều kiện cho con em mình tới trường, hoặc phó mặc toàn bộ việc giáo dục con em mình cho nhà trường,

Biểu đồ 1: Kết quả học tập của học sinh TH tỉnh Lai Châu (Đơn vị: %)



Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu (2020-2023).

Biểu đồ 1: Kết quả học tập của học sinh THCS tỉnh Lai Châu (Đơn vị: %)



Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu (2020-2023).

dẫn đến tình trạng nhiều em bỏ học. Bên cạnh đó là việc thay đổi sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nhiều học sinh bị hổng kiến thức từ các cấp học dưới, nhiều em chưa xác định được mục tiêu học tập rõ ràng, môi trường giao tiếp bằng tiếng phổ thông (tiếng Việt) gặp nhiều khó khăn do cộng đồng các em sinh sống giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ,... đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

3.2. Một số chính sách có điểm chưa phù hợp, còn chồng chéo

Do những đặc thù của vùng dân tộc và miền núi nên chính sách hỗ trợ liên quan tới giáo dục ở tỉnh Lai Châu hiện nay vẫn không tránh khỏi những hạn chế trong tương quan

với các chính sách khác, đặc biệt trong các chương trình mục tiêu quốc gia¹.

Có thể thấy, các chương trình mục tiêu quốc gia (đã thúc đẩy phát triển kinh tế ở một số vùng đặc biệt khó khăn, làm giảm tỷ lệ nghèo và cận nghèo) cùng với chính sách phân định vùng của Chính phủ làm căn cứ xây dựng kinh tế-kỹ thuật tại địa phương đã tác động không nhỏ tới việc vận động học sinh tới trường do học sinh nằm ngoài chính sách hỗ trợ giáo dục.

Một số quy định về hỗ trợ vùng đồng bào DTTS sinh sống lại mâu thuẫn và không phù hợp với chính sách hỗ trợ, phát triển miền núi². Để cụ thể hóa làm căn cứ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/09/2021, trước đây là Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lai Châu đã đầu tư tạo động lực phát triển kinh tế địa phương và là tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh thứ hai cả nước

¹ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

² Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào DTTS mỗi năm 3%; 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn; cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng DTTS&MN.

giai đoạn 2006-2021, từ 52,8% năm 2006 xuống 28,56% năm 2022 (UBND tỉnh Lai Châu, 2023). Tuy nhiên, trên toàn tỉnh có một số xã, thôn, bản ra khỏi khu vực đặc biệt khó khăn, học sinh có hộ khẩu tại các xã, thôn, bản khu vực III trở thành các xã, thôn, bản khu vực I không còn được hưởng chính sách của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, trong khi đó hầu hết các hộ gia đình đồng bào DTTS mới thoát nghèo, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, mức thu nhập trung bình của người dân trong khu vực còn thấp, ảnh hưởng không nhỏ đến việc huy động học sinh đến lớp, nguy cơ bỏ học của nhóm học sinh này khá lớn. Cụ thể:

- Chính sách hỗ trợ cho học sinh khu vực này bị cắt giảm nhưng không có quy định thời gian chuyển tiếp, các cơ quan chức năng, tổ chức chính trị - xã hội chưa kịp thời tuyên truyền, triển khai đến nhân dân về tác động của các quyết định đối với các chính sách học sinh đang thụ hưởng, nên nhiều gia đình học sinh chưa có sự chuẩn bị tốt về tâm thế cũng như các điều kiện để cho con đi học khi không còn được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước. *“Không được Nhà nước hỗ trợ thì không cho đi học nữa, do gia đình không có tiền để cho con đến trường. Nhà ở xa, không được ở bán trú thì không đưa đón được, con cũng không muốn đi nữa vì trường xa nhà, lại không được nuôi ăn”* (PVS phụ huynh học sinh TH, 28 tuổi).

- Khi học sinh không còn được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước sẽ ảnh hưởng lớn đến việc huy động học sinh đến lớp, có địa phương trên địa bàn của tỉnh Lai Châu chỉ huy động được tối đa 65% số học sinh tới trường trong năm học 2021-2022 (như tại xã Nậm Sỏ, Hố Mít, huyện Tân Uyên). Ngoài ra, công tác chăm sóc giáo dục trẻ cũng bị ảnh hưởng, khó giảm được tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thể thấp còi. Điều này dẫn đến chất lượng giáo dục cũng

không được nâng cao. Một số chỉ tiêu trong các chương trình, nghị quyết, kế hoạch của ngành, của tỉnh cũng vì thế mà khó đạt được theo kế hoạch. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến mất chuẩn phổ cập giáo dục TH, phổ cập THCS và ảnh hưởng tới chỉ tiêu đạt chuẩn nông thôn mới.

3.3. Những bất cập phát sinh khi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, một số địa phương thuộc xã khu vực III trở thành xã khu vực I, học sinh không còn được hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP nên có nhu cầu trở lại các điểm bản để học, dẫn đến phải sử dụng phòng học tạm ở đây với cơ sở vật chất đã xuống cấp. Trong khi đó, cơ sở vật chất tại các điểm trường trung tâm thì dư thừa (đặc biệt là trang thiết bị đồ dùng bán trú), gây lãng phí. Kinh phí đầu tư cho các cơ sở giáo dục dần trải, không tập trung, hiệu quả đầu tư bị giảm. Như vậy, tỉnh Lai Châu chưa thể xóa bỏ được tình trạng học sinh phải đi học nhờ, còn mục tiêu đến năm 2025 toàn tỉnh có 100% trường học được xây dựng kiên cố và không còn phòng học tạm thì khó hoàn thành. *“Đa số cơ sở vật chất đã được xây dựng trước khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 nên một số hạng mục không đáp ứng được việc dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Học sinh phải đóng 100% học phí, mua bảo hiểm, các chế độ khác, nhiều gia đình không đủ nguồn tài chính để nuôi con ăn học. Nhiều gia đình có nhiều con đi học không đủ tiền đóng học và mua sách giáo khoa cho con”* (PVS Hiệu trưởng trường THCS, 52 tuổi).

Chương trình mục tiêu quốc gia đã tác động không nhỏ tới chính sách hỗ trợ giáo dục do liên quan đến vấn đề cắt giảm chi phí học tập. Theo số liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu (2020-2023), nguy

cơ tỷ lệ bỏ học trong toàn tỉnh có thể tăng lên trên 2,5% (những năm học trước dưới 0,5%); ở 12/106 xã, chất lượng giáo dục không đạt chỉ tiêu do không huy động được học sinh đến lớp và không đạt chỉ tiêu trong các chương trình, nghị quyết, kế hoạch của tỉnh. Học sinh không còn được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập, cùng với khoảng cách từ nhà tới trường xa, kinh tế gia đình khó khăn, không có người đưa đón... đã góp phần làm giảm tỷ lệ chuyên cần và tăng tỷ lệ bỏ học. *“Do học sinh không được ở bán trú, đa số học sinh từ nhà đến trường có khoảng cách xa, không đi về được trong ngày (đường đi lại khó khăn, chủ yếu đèo và dốc cao...) dẫn đến học sinh hay nghỉ học, thậm chí bỏ học. Nhiều gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đa số phụ huynh học sinh đi làm ăn xa không có ở nhà để đưa đón con em đi học và không quản, chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, còn phó mặc cho nhà trường... dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng học sinh* (PVS. Nam, lãnh đạo địa phương, 43 tuổi).

Bên cạnh đó, nguy cơ học sinh quay trở lại các điểm trường để học còn khiến một số chỉ tiêu khó thực hiện được do thiếu giáo viên, như: Tỷ lệ huy động học sinh lớp 3, 4, 5 về trung tâm học; dạy 2 buổi/ngày; dạy học ngoại ngữ và tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

3.4. Khó khăn trong việc bố trí giáo viên

Chính sách ưu đãi, thu hút giáo viên chưa thực sự có sức hút đối với giáo viên công tác ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gây mất cân đối nguồn lực giữa các trường. Đặc biệt khi học sinh không còn được hưởng chế độ hỗ trợ của Nhà nước theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, một số học sinh sẽ quay trở lại học tại các điểm bản, theo đó việc bố trí giáo viên cũng gặp nhiều khó khăn do phải bổ sung số lượng giáo viên giảng dạy tại các điểm bản để đáp ứng nhu cầu đi học của học sinh. *“Do tiền lương và chế độ của giáo viên bị cắt giảm, đồng lương của giáo viên thấp vì*

giảm và cắt mất một số phụ cấp, giá cả sinh hoạt đắt đỏ. Giáo viên không muốn về công tác, thậm chí bỏ nghề và đi làm việc khác” (PVS. Nữ, giáo viên TH, 35 tuổi).

Năm học 2023-2024, toàn ngành giáo dục tỉnh Lai Châu có 11.294 cán bộ quản lý, giáo viên nhưng vẫn thiếu 351 giáo viên, trong đó 200 giáo viên xin nghỉ việc (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu, 2020-2023). Thực tế cho thấy thực trạng thiếu và mất cân đối giáo viên giữa các trường vẫn còn tồn tại, một số giáo viên chưa thực sự yên tâm công tác.

3.5. Việc làm và cơ hội việc làm còn khó khăn khiến một bộ phận dân cư chưa nhận thức đầy đủ vai trò của giáo dục

Tỉnh Lai Châu là khu vực vùng núi, địa bàn rộng, địa hình phức tạp, dân cư sống không tập trung, trình độ dân trí không đồng đều, xuất phát điểm kinh tế - xã hội thấp, cơ hội nghề nghiệp và việc làm rất hạn chế. Học sinh đi học nghề tiếp tục học lên cao song trở lại địa phương cũng khó tìm kiếm việc làm, điều này làm giảm bớt ý nghĩa và lợi ích của việc học. Một bộ phận không nhỏ người lao động chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí của giáo dục nghề nghiệp nên chưa chủ động tham gia học nghề; một số ít người lao động chưa có ý thức vươn lên thoát nghèo, ngại xa gia đình. Trên thực tế, lực lượng lao động của tỉnh có 299.223 người, chiếm 62,73% dân số; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 53,48% vào cuối năm 2021; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị chiếm 2,7% (Bùi Thanh Bình, Nguyễn Văn Vệ, 2023: 14). Thêm vào đó, thị trường lao động nội tỉnh chưa phát triển, người lao động vẫn chủ yếu tìm việc làm ở ngoại tỉnh. Các gia đình thường có khuynh hướng muốn cho con nghỉ học sớm, vừa để có thêm lao động hỗ trợ gia đình, vừa dần làm quen với nghề nông hoặc lâm nghiệp truyền thống.

“Quy mô kinh tế Lai Châu còn nhỏ, số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn không nhiều, tỷ lệ thu hút lao động giữa các năm

không ổn định. Cùng với tâm lý của các bậc cha mẹ không muốn con đi làm xa, chỉ muốn con quay về làm nông nghiệp với gia đình, học nghề cũng không làm gì, học xong cũng khó xin việc, có học cao cũng khó kiếm việc làm. Nên việc cần biết đọc biết viết và cộng trừ nhân chia là được, không cần học cao” (PVS. Nam, lãnh đạo địa phương, 45 tuổi).

Có thể thấy từ thực tiễn tại tỉnh Lai Châu, các chính sách giáo dục sẽ khó có thể đạt được hiệu quả như mong đợi nếu không có sự kết nối giữa chính sách giáo dục với mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, chính sách lao động, việc làm.

4. Nhận xét và kết luận

Trên cơ sở những phân tích trên, chúng tôi cho rằng, để thúc đẩy hơn nữa các chính sách hỗ trợ giáo dục cho học sinh DTTS cần chú ý tới tác động của các chính sách liên quan tới giáo dục. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã đem lại nhiều kết quả (giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, việc đầu tư cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện), tuy nhiên vấn đề đặt ra là khoảng cách thu nhập của người dân ở xã, thôn, bản khu vực III mới trở thành xã, thôn, bản khu vực I không xa, trong khi đó con em của các gia đình này không còn được thụ hưởng chế độ của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP. Trên thực tế, điều kiện kinh tế, xã hội tại các địa phương khu vực III vẫn còn nhiều khó khăn, cần có chính sách phù hợp để hỗ trợ nhóm học sinh DTTS tới trường, duy trì tỷ lệ chuyên cần, nâng cao chất lượng đào tạo vùng đồng bào DTTS, nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các đối tượng được thụ hưởng chính sách và đối tượng mới bị cắt chế độ hỗ trợ của Nhà nước.

(xem tiếp trang 38)